

Bản án số: **23/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 41/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Minh T, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp A1, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Ấp B, xã A2, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Minh T kết hôn do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/10/2006. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống tại nhà mẹ ruột của chị ở

ấp A, xã Đ, huyện M khoảng năm năm thì vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất cha mẹ chồng cho ở nhờ tại ấp A1, xã Đ, huyện M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng ba năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt rồi đánh đập chị. Sự việc này diễn ra trong thời gian dài, đã nhiều lần chị bỏ qua để vợ chồng hàn gắn nhưng sau đó anh T tiếp tục đánh chị làm cho vợ chồng lại mâu thuẫn. Chị và anh T đã sống ly thân hơn sáu tháng nhưng không hàn gắn được. Trong thời gian Tòa án giải quyết, anh T cũng có đánh chị nên nay chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Tân, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Minh Tâm, sinh ngày 31/5/2016, đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T có nợ bà Nguyễn Thị M (đại lý thức ăn Ba Quát) số tiền 109.758.000 (một trăm lẻ chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn) đồng. Chị, anh T và bà M sẽ tự thương lượng giải quyết mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Về điều kiện, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và chung sống như chị D trình bày là đúng. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi qua lại, anh thừa nhận có đánh vợ nhưng chỉ đánh nhẹ hai ba lần. Việc anh đánh vợ là anh có lỗi nhưng do chị D thường xuyên vắng nhà, khi anh hỏi đi đâu chị cũng không nói, không trình bày rõ dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Anh còn thương vợ, thương con, anh mong muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, cùng lo cho con.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Tân, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Minh Tâm, sinh ngày 31/5/2016, đang sống chung với chị D. Nếu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn, anh yêu cầu sau khi ly hôn anh được trực tiếp nuôi cháu Minh Tâm, chị D nuôi cháu Minh Tân, hai bên không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị D có nợ bà Nguyễn Thị M (đại lý thức ăn Ba Quát) số tiền khoảng 112.000.000 đồng (do không nhớ con số chính xác). Anh, chị D và bà M sẽ tự thương lượng giải quyết mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà có bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng chị D và anh T. Tổng số tiền mà vợ chồng chị D và anh T còn nợ bà đến hiện tại là 109.758.000 (một trăm lẻ chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn) đồng. Đối với số tiền này bà sẽ tự thương lượng giải quyết với chị D và anh T. Nếu không tự giải quyết được bà sẽ khởi kiện trong một vụ án khác mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D. Về hôn nhân: Chị D được ly hôn với anh T. Về con chung: Cháu Nguyễn Văn Minh Tân, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Minh Tâm, sinh ngày 31/5/2016, giao cho chị D trực tiếp nuôi, ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn Minh T nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn Minh T có nơi cư trú tại ấp A1, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Văn Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận định: Chị D và anh T do quen biết tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M vào ngày 17/10/2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn

nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị D và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D xác định là do anh T gia trưởng, hay nhậu nhẹt rồi đánh đập chị. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cự cãi và anh có đánh chị D nhưng do chị D có lỗi. Anh mong muốn được hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ, cùng lo cho con. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh T là có thật và có xảy ra tình trạng anh T dùng bạo lực với chị D dẫn đến chị D không còn cảm với anh T. Hơn nữa, chị D và anh T đã sống ly thân hơn nửa năm nhưng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị D vẫn luôn giữ quan điểm kiên quyết ly hôn với anh T. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về con chung: Chị D và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Tân, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Minh Tâm, sinh ngày 31/5/2016. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Tân có nguyện vọng sống chung với chị D, cháu Tâm đang sống chung với chị D, được nuôi dưỡng, chăm sóc, học hành ổn định. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển của các cháu, phù hợp nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị D và anh T thống nhất trong thời kỳ hôn nhân anh chị có nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua thức ăn chăn nuôi tổng cộng khoảng 112.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà M và chị D thống nhất số nợ là 109.758.000 (một trăm lẻ chín triệu bảy trăm năm mươi tám triệu) đồng. Chị D, anh T, bà M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu các đương sự không tự thương lượng giải quyết được có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Xét về án phí: Nguyên đơn chị D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D. Cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Minh T.

Về con chung: Chị D và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Minh Tân, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Minh Tâm, sinh ngày 31/5/2016, hiện nay hai con chung đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, hai con chung giao cho chị D trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị D, anh T, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Về án phí: Chị D có nghĩa vụ chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009728 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân